

1153-1 Series — SERIES 53 BÁNH XE CHUẨN CHÂU ÂU (Kinh điển)

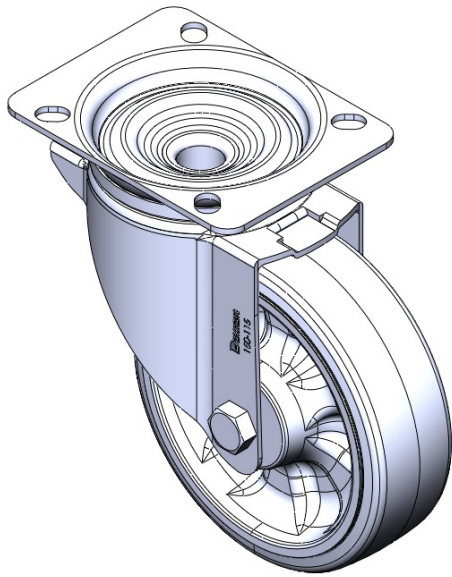
Đường kính bánh xe hiệu ứng đầy đủ W × chiều rộng bánh xe 152 x 50mm

EAN  
TW-4115306002056

Bánh xe xoay với đế định tán và khung dập.  
Hoàn thiện mạ kẽm, lắp trên đế.  
Lõi polypropylene gia cố, chống va đập với mặt đế bằng nhựa nhiệt dẻo đàn hồi (TPR).  
Vòng bi chính xác màu xám đậm.

Bề mặt bánh xe: Cao su nhiệt dẻo đàn hồi (TPR)  
Lõi bánh xe: Được làm bằng polypropylen chống va đập chất lượng cao

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

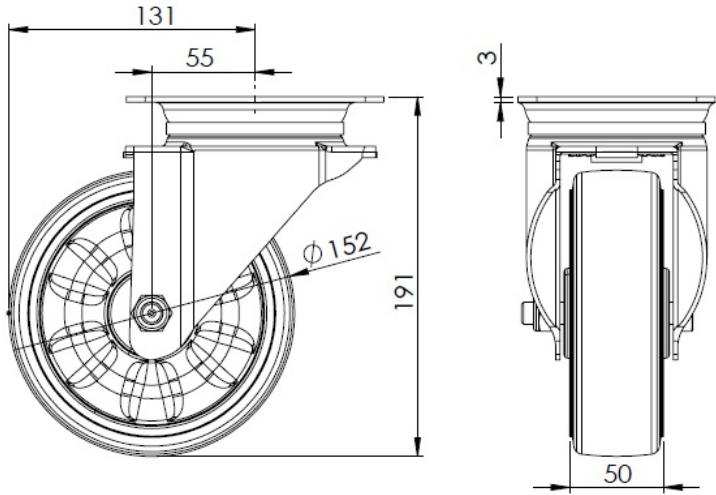
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 152mm                       |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 50mm                        |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp                                                          | 137 x 105mm                 |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền                                           | 92.5 x 84.5mm               |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 15 x 11mm                   |
| Độ lệch tâm                                                               | 55mm                        |
| Sự can thiệp quay                                                         | 262mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 191mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 131mm                       |
| Độ cứng                                                                   | 72±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 272kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 408kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +60°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Xoay                        |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 2.00kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

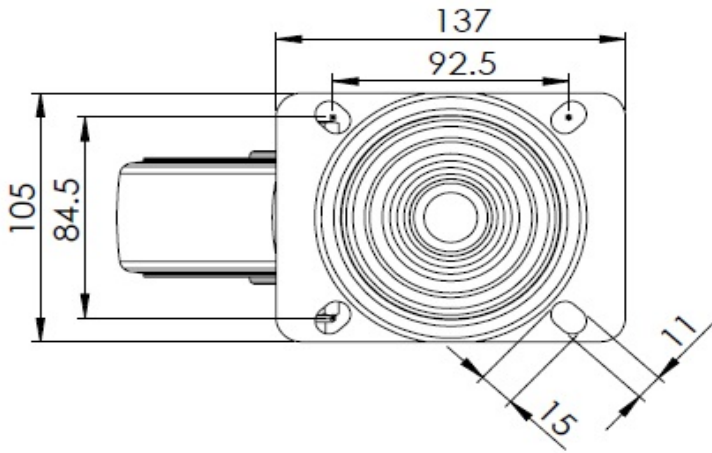
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | • • • • • |
| Chế độ im lặng       | • • • • • |
| Bảo vệ mặt sàn       | • • • • • |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét